

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Đơn vị	Số biên chế giao	Số lượng tuyển dụng	Vị trí việc làm tuyển dụng																										Ghi chú	
				Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học						Giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông																				
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó																			
						GV dạy TH các môn	Tiếng Anh	Tin học	Giáo dục thể chất	Âm nhạc		Mỹ thuật	Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Thể dục	KTCN	KTNN	Tiếng Anh	Tin học	GDQP-AN	Âm nhạc	Mỹ thuật	Lịch sử và Địa lý		Khoa học tự nhiên
	TỔNG SỐ THI TUYỂN	10.673	463	38	116	74	16	9	7	6	4	309	45	10	17	11	43	19	23	24	12	5	18	33	13	3	7	9	8	9	
I	CẤP TỈNH (TRỰC THUỘC SỞ GD&ĐT)	2.377	110	0	0	0	0	0	0	0	0	110	13	3	6	6	16	11	13	15	5	2	2	10	4	3	0	1	0	0	
A	BẬC THPT	2.263	105	0	0	0	0	0	0	0	0	105	13	2	6	6	16	11	12	15	5	2	0	9	4	3	0	1	0	0	
1	PHƯỜNG LÀO CAI	178	0		0							0																			
2	PHƯỜNG CAM ĐƯỜNG	326	1		0							1																1			
3	PHƯỜNG SA PA	112	16		0							16	2		1	1	2	2	2	1	1	1	0	2	1	0	0	0			
4	XÃ VĂN BÀN	109	7	0	0		0	0	0	0	0	7	1	0	0	1	1	0	0	1	0	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0
5	XÃ BÁT XÁT	160	11		0							11			2		2	2	1	2	1			1							
6	XÃ BẢO THẮNG	121	1		0							1							1												
7	XÃ BẢO YÊN	130	4	0	0	0	0	0	0	0	0	4	1	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	PHƯỜNG YÊN BÁI	193	0		0							0																			
9	PHƯỜNG VĂN PHÚ	144	0		0							0																			
10	PHƯỜNG ÂU LẬU	48	0		0							0																			
11	PHƯỜNG NGHĨA LỘ	146	15	0	0	0	0	0	0	0	0	15	0	1	1	0	4	2	2	1	0	0	0	2	1	1	0	0	0	0	0
12	PHƯỜNG TRUNG TÂM	39	4		0							4	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0			
13	XÃ MẬU A	177	15	0	0	0	0	0	0	0	0	15	3	1	1	1	2	1	1	2	2	0		0	1	0	0	0	0	0	0
14	XÃ LỤC YÊN	124	14	0	0	0	0	0	0	0	0	14	4		1	1	2	1	2	2	1	0		0	0	0	0	0	0	0	0
15	XÃ VĂN CHẤN	73	11	0	0	0	0	0	0	0	0	11	1	0	0	1	1	2	0	3	0	0	0	2	0	1	0	0	0	0	0
16	XÃ TRẦN YÊN	99	3		0							3	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0			
17	XÃ YÊN BÌNH	84	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0			1	0	0	0	0	0
B	BẬC THCS	114	5	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0

STT	Đơn vị	Số biên chế giao	Số lượng tuyển dụng	Vị trí việc làm tuyển dụng																								Ghi chú			
				Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học						Giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông																				
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó																			
						GV dạy TH các môn	Tiếng Anh	Tin học	Giáo dục thể chất	Âm nhạc		Mỹ thuật	Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Thể dục	KTCN	KTNN	Tiếng Anh	Tin học	GDQP-AN	Âm nhạc		Mỹ thuật	Lịch sử và Địa lý	Khoa học tự nhiên
1	XÃ MẬU A	25	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2							1				1			0	0	0	0	0	
2	XÃ VĂN CHẤN	34	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1											1						0	0	
3	XÃ LỤC YÊN	30	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2		1								1	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	XÃ YÊN BÌNH	25	0		0							0																			
II	CẤP XÃ	8.296	353	38	116	74	16	9	7	6	4	199	32	7	11	5	27	8	10	9	7	3	16	23	9	0	7	8	8	9	0
1	PHƯỜNG LÀO CAI	871	11	1	3	2				1		7	3		1		1		1		1										
2	PHƯỜNG CAM ĐƯỜNG	679	15	4	7	7						4					1		1				2								
3	PHƯỜNG SA PA	471	22	5	3		1	1		1		14	3	1	2	1	2				1		2	1		1					
4	XÃ BÁT XÁT	530	8	0	1					1		7			1		1		1	1		1		2							
5	XÃ VĂN BÀN	427	7	1	2	2						4	1				1				1		1								
6	XÃ MẬU A	527	25	0	5	1	4	0	0	0	0	20	1	0	1	1	2	1	1	1	0	0	3	2	0	0	0	1	3	3	
7	XÃ YÊN BÌNH	359	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
8	XÃ TRẦN YÊN	400	25	0	9	2	0	2	3	1	1	16	3	1	0	2	1	0	1	0	0	0	2	1	4	0	0	1	0	0	
9	XÃ LỤC YÊN	373	22	0	9	7	1	1	0	0	0	13	0	0	2	0	2	3	1	0	0	0	1	1	0	0	2	0	1	0	
10	XÃ VĂN CHẤN	345	31	5	11	5	4	0	0	1	1	15	3	2	1	0	3	0	0	0	0	0	2	2	0	0	1	1	0	0	
11	PHƯỜNG VĂN PHÚ	321	24	4	9	4	1	1	2	1	0	11	2	0	0	0	1	0	1	1	2	0	1	2		0	0	1		0	0
12	PHƯỜNG YÊN BÁI	651	47	4	19	16	0	1	1	0	1	24	4	1	0	0	2	3	2	1	2	0	1	5	1	0	1	0	0	1	
13	PHƯỜNG NAM CƯỜNG	199	8	1	3	2	0	0	0	0	1	4	2	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1		0	0	0	0	0	0
14	PHƯỜNG ÂU LÂU	292	16	1	8	7	0	1	0	0	0	7	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	2	
15	PHƯỜNG NGHĨA LỘ	256	22	0	8	5	2	1	0	0	0	14	2	0	1	0	3	0	0	1	0	0	2	1	0	0	1	2	0	1	

STT	Đơn vị	Số biên chế giao	Số lượng tuyển dụng	Vị trí việc làm tuyển dụng																									Ghi chú		
				Giáo viên Mã m non	Giáo viên Tiểu học						Giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông																				
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó																			
						GV dạy TH các môn	Tiếng Anh	Tin học	Giáo dục thể chất	Âm nhạc		Mỹ thuật	Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Thể dục	KTCN	KTNN	Tiếng Anh	Tin học	GDQP-AN	Âm nhạc	Mỹ thuật		Lịch sử và Địa lý	Khoa học tự nhiên
16	PHƯỜNG TRUNG TÂM	338	31	5	10	7	2	0	1	0	0	16	5	1	1	0	1	1	0	3	0	0	2	0	1	0	1	0		0	
17	PHƯỜNG CẦU THIA	379	37	7	9	7	1	1	0	0	0	21	1	1	1	1	4	0	1	1	1	0	1	1	0	0	2	3	2		
18	XÃ BẢO THẮNG	507	0		0							0																			
19	XÃ BẢO YÊN	371	0		0							0																			
*	Các vị trí việc làm được đăng ký 02 nguyện vọng (Vị trí việc làm giống từ trên xuống)			2NV		2NV	2NV	2NV	2NV	2NV	2NV		2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Đơn vị	Số biên chế được giao	Số lượng tuyển dụng	Vị trí việc làm tuyển dụng																										Ghi chú	
				Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học						Giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông																				
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó																			
						GV dạy TH các môn	Tiếng Anh	Tin học	Giáo dục thể chất	Âm nhạc		Mỹ thuật	Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Thể dục	KTCN	KTNN	Tiếng Anh	Tin học	GDQP-AN	Âm nhạc	Mỹ thuật	Lịch sử và Địa lý		Khoa học tự nhiên
	TỔNG SỐ XÉT TUYỂN	22.041	1.495	222	419	201	113	54	21	14	16	854	137	40	24	26	110	41	41	43	26	10	33	107	66	6	42	22	37	43	
I	CẤP TỈNH (TRỰC THUỘC SỞ GD&ĐT)	1.639	194	0	0	0	0	0	0	0	0	194	37	9	8	4	28	19	17	14	9	1	4	23	10	6	3	2	0	0	
A	BẬC THPT	1.575	186	0	0	0	0	0	0	0	0	186	37	7	8	4	28	18	16	14	9	1	3	23	9	6	2	1	0	0	
1	XÃ KHÁNH YÊN	37	0		0							0																			
2	XÃ XUÂN GIAO	57	0		0							0																			
3	XÃ BẮC HÀ	134	11	0	0	0	0	0	0	0	0	11	1	1	2	0	2	1	1	2	1				0	0	0	0	0	0	
4	XÃ MƯỜNG KHUÔNG	112	8	0	0	0	0	0	0	0	0	8	3	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	
5	XÃ BẢO NHAİ	39	7		0							7	1	1		1		1	1	1					1						
6	XÃ PHONG HẢI	38	2		0							2	1				1														
7	XÃ BẢO HÀ	41	2		0							2		1			1														
8	XÃ NGHĨA ĐÔ	28	5		0							5	2		1					1				1							
9	XÃ TẢ PHÌN	22	5		0							5	2					1		1				1							
10	XÃ SI MA CAI	104	16	0	0	0	0	0	0	0	0	16	2	0	1	1	4	2	1	0	1	0	0	1	1	2	0	0	0	0	
11	XÃ SÍN CHÉNG	28	8		0							8	1	1						1	2			2	1						
12	XÃ DƯƠNG QUỲ	34	8		0							8	2	1				1	1	1				1	1						
13	XÃ MƯỜNG HUM	38	9		0							9	1					1	1	1		1		2	1	1					
14	XÃ VỎ LAO	47	2		0							2					1	1													
15	XÃ CAO SƠN	25	4		0							4	1						1	1					1						
16	XÃ LỪNG PHÌNH	36	2		0							2				1		1													
17	XÃ BẢN HỒ	31	3		0							3	1				1							1							
18	XÃ BẢN LẬU	31	0		0							0																			
19	XÃ GIA HỘI	44	9		0							9	2	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	0	1	1	1	0			

STT	Đơn vị	Số biên chế được giao	Số lượng tuyển dụng	Vị trí việc làm tuyển dụng																							Ghi chú				
				Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học						Giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông																				
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó																			
						GV dạy TH các môn	Tiếng Anh	Tin học	Giáo dục thể chất	Âm nhạc		Mỹ thuật	Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Thể dục	KTCN	KTNN	Tiếng Anh	Tin học	GDQP-AN		Âm nhạc	Mỹ thuật	Lịch sử và Địa lý	Khoa học tự nhiên
20	XÃ NGHĨA TÂM	56	9		0						9	1	0	0	0	2	1	1	0	1	0	0	2	0	1	0	0				
21	XÃ ĐÔNG CUÔNG	46	4		0						4	2	0	0	0	1	0	0		0	0	0	1	0	0	0	0				
22	XÃ HƯNG KHÁNH	50	2		0						2	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
23	XÃ LÂM THƯỢNG	41	5		0						5	2	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0				
24	XÃ KHÁNH HÒA	46	9		0						9	2	0	1	0	1	1	0	1	0	0	1	2	0	0	0	0				
25	XÃ HẠNH PHÚC	67	18	0	0	0	0	0	0	0	18	4	2	0	1	4	1	1	1	1	0	1	2	0	0	0		0	0		
26	XÃ BẢO ÁI	47	4		0						4	0	0	0	0	1	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0				
27	XÃ CÁT THỊNH	59	5		0						5	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0				
28	XÃ MÙ CANG CHẢI	73	16	0	0	0	0	0	0	0	16	3		2	0	3	1	1	1	1	0	0	3	1	0		0	0	0		
29	XÃ PÚNG LUÔNG	56	13		0						13	3	0	1	0	2	1	1	0	0	0	1	2	0	0	1	1				
30	XÃ CẨM NHÂN	47	0		0						0																				
31	XÃ THÁC BÀ	61	0		0						0																				
B	BẬC THCS	64	8	0	0	0	0	0	0	0	8	0	2	0	0	0	1	1	0	0	0	1	0	1	0	1	1	0	0		
1	XÃ MÙ CANG CHẢI	35	3	0	0	0	0	0	0	0	3		1											1		1	0		0		
2	XÃ HẠNH PHÚC	29	5	0	0	0	0	0	0	0	5		1				1	1				1					1	0	0		
II	CẤP XÃ	20.402	1.301	222	419	201	113	54	21	14	16	660	100	31	16	22	82	22	24	29	17	9	29	84	56	0	39	20	37	43	
1	XÃ CỐC SAN	180	5	3	1	1					1	1																			
2	XÃ BẮC HÀ	655	5	1	0						4	1			1	1											1				
3	XÃ MƯỜNG KHƯƠNG	506	11	6	2		2				3					1		1		1											
4	XÃ HỢP THÀNH	205	4	1	0						3	2		1																	
5	XÃ XUÂN QUANG	403	2	1	1		1				0																				
6	XÃ GIA PHÚ	355	2	0	1		1				1																1				
7	XÃ PHONG HẢI	271	4	2	2	1	1				0																				
8	XÃ A MÚ SUNG	138	6	2	1	1					3	1	1											1							
9	XÃ BÀN XÈO	188	5	0	1	1					4				1	1	1			1											
10	XÃ KHÁNH YÊN	242	5	0	4	3				1	1													1							
11	XÃ DƯƠNG QUỲ	167	7		1	1					6	1	1			2		1			1										

STT	Đơn vị	Số biên chế được giao	Số lượng tuyển dụng	Vị trí việc làm tuyển dụng																								Ghi chú				
				Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học						Giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông																					
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó																				
						GV dạy TH các môn	Tiếng Anh	Tin học	Giáo dục thể chất	Âm nhạc		Mỹ thuật	Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Thể dục	KTCN	KTNN	Tiếng Anh	Tin học	GDQP-AN	Âm nhạc		Mỹ thuật	Lịch sử và Địa lý	Khoa học tự nhiên	
12	XÃ CHIỀNG KEN	179	3		2	2						1					1															
13	XÃ NGHĨA ĐÔ	259	22	1	4		3	1				17	5	2	1	1	1				2		1	1			3					
14	XÃ PHÚC KHÁNH	179	6		0							6	1		1			1			1			1	1							
15	XÃ BẢO HÀ	596	9	0	3	1	1	1				6	1					1						2	1			1				
16	XÃ MƯỜNG BO	190	20		6	3	1			1	1	14	4	1		1	1							2	3		1					
17	XÃ TẢ PHÌN	206	14	5	5	5						4		1					1					2								
18	XÃ BẢO NHAİ	371	1		0							1			1																	
19	XÃ BÀN LẬU	360	14	3	0							11	3	1		1	1		1					3	1							
20	XÃ SI MA CAI	588	11	0	0							11	2	1	1		1		1					3	1		1					
21	XÃ SÍN CHÉNG	341	10		1				1			9	2	1			2		1					1	1		1					
22	XÃ LIÊN SƠN	195	22	0	9	6	1	1	0	0	1	13	1	0	0	0	2	1	1	0	0	0	1	2	1	0	1	0	1	2		
23	XÃ GIA HỘI	220	10	2	5	0	4	0	1	0	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
24	XÃ THUỜNG BẮNG LA	191	10	0	4	3	0	0	0	0	1	6	0	0	0	0	3	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	
25	XÃ CHÁN THỊNH	212	10	0	4	2	1	1	0	0	0	6	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	
26	XÃ NGHĨA TÂM	238	16	2	9	6	1	0	2	0	0	5	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1		
27	XÃ TỬ LỆ	218	32	10	9	4	2	1	2	0	0	13	2	1	0	0	2	0	0	1	1	0	0	1	2	0	1	0	1	1		
28	XÃ PHONG DỤ HẠ	134	32	7	11	6	2	1	0	1	1	14	2	0	0	1	3	1	1	1	0	0	1	1	1	0	0	1	0	1		
29	XÃ CHẬU QUẾ	200	26	5	8	3	4	1	0	0	0	13	0	0	1	1	2	0	0	1	0	0	1	2	1	0	1	0	1	2		
30	XÃ LÂM GIANG	222	29	8	9	5	3	1	0	0	0	12	1	1	1	1	2	0	1	1	0	0	1	0	0	0	1	0	1	1		
31	XÃ ĐÔNG CƯỜNG	306	22	0	7	2	3	2	0	0	0	15	4	0	0	1	4	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	3	1		
32	XÃ TÂN HỢP	217	19	1	5	2	1	1	1	0	0	13	2	1	1	1	1	0	1	0	0	1	1	1	1	0	0	0	1	1		
33	XÃ XUÂN ÁI	399	29	0	10	7	1	1	1	0	0	19	2	1	0	0	2	0	0	1	0	1	0	3	2	0	0	0	4	3		
34	XÃ MỎ VÀNG	195	30	8	10	5	2	1	1	1	0	12	2	0	0	1	3	0	0	1	0	0	2	0	0	0	1	0	1	1		
35	XÃ PHONG DỤ THUỜNG	107	17	8	3	1	2	0	0	0	0	6	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1		
36	XÃ HƯNG KHÁNH	201	21	0	8	5	1	1	1	0	0	13	3	0	2	1	0	0	0	0	1	0	0	1	2	0	0	1	1	1		
37	XÃ LƯƠNG THỊNH	175	17	0	6	3	1	1	1	0	0	11	2	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	3	0	1	1	1	0		
38	XÃ VIỆT HỜNG	173	17	0	12	7	1	2	0	1	1	5	0	0	0	0	0	1	1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0		

STT	Đơn vị	Số biên chế được giao	Số lượng tuyển dụng	Vị trí việc làm tuyển dụng																									Ghi chú		
				Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học						Giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông																				
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó																			
						GV dạy TH các môn	Tiếng Anh	Tin học	Giáo dục thể chất	Âm nhạc		Mỹ thuật	Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Thể dục	KTCN	KTNN	Tiếng Anh	Tin học	GDQP-AN	Âm nhạc	Mỹ thuật		Lịch sử và Địa lý	Khoa học tự nhiên
39	XÃ QUY MÔNG	244	19	0	9	4	1	2	1	0	1	10	0	0	0	0	0	2	1	1	1	0	0	0	0	0	3	1	1	0	
40	XÃ LÂM THUỖNG	275	22	1	4	1	1	2	0	0	0	17	1	2	0	1	0	1	0	2	0	0	2	1	2	0	1	1	1	2	
41	XÃ TÂN LĨNH	284	18	0	6	2	3	1	0	0	0	12	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	1	0	1	4	
42	XÃ KHÁNH HÒA	279	24	2	9	3	5	1	0	0	0	13	2	0	0	0	4	1	2	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	
43	XÃ PHÚC LỢI	232	12	1	7	3	3	1	0	0	0	4	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	
44	XÃ MUỖNG LAI	326	29	0	7	1	4	2	0	0	0	22	1	0	0	0	5	0	0	3	0	0	1	1	1	0	2	1	4	3	
45	XÃ CẨM NHÂN	260	34	1	14	9	4	1	0	0	0	19	3	0	0	1	2	1	1	1	0	0	2	2	2	0	2	0	1	1	
46	XÃ YÊN THÀNH	277	30	0	14	6	4	4	0	0	0	16	3	1	0	1	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	3	3	
47	XÃ THÁC BÀ	469	26	0	7	4	1	2	0	0	0	19	3	1		1	0	0	1	1	1	0	0	2	3	0	0	1	1	4	
48	XÃ BẢO ÁI	353	31	1	12	5	4	3	0	0	0	18	4	0	0	0	3	0	1	0	0	0	0	3	0	0	1	0	4	2	
49	XÃ HẠNH PHÚC	296	39	10	13	5	3	2	1	1	1	16	1	0	0	0	3	0	0	0	0	0	1	2	2	0	2	1	3	1	
50	XÃ MUỖNG HUM	148	6	0	4	2		1		1		2	1											1							
51	XÃ DỀN SÁNG	259	34	5	12	8	2	1		1		17	2	2	1		2		1	1		2		3	1		2				
52	XÃ Y TỶ	232	9	2	2		1		1			5							1		1			2	1						
53	XÃ TRỊNH TƯỜNG	252	5	0	0							5		1				1				2		1							
54	XÃ VỒ LAO	315	13	0	3		1	1			1	10	3		1	1		1	1				1	1	1						
55	XÃ MINH LƯƠNG	175	9	1	5	4				1		3	1											1	1						
56	XÃ NẬM CHÀY	146	1	1	0							0																			
57	XÃ NẬM XẾ	41	1	1	0							0																			
58	XÃ THUỖNG HÀ	280	9	1	3	2	1					5									1			2	2						
59	XÃ BÀN HỒ	205	24	7	8	6		1		1		9			1	1	1			1				1	2		2				
60	XÃ TẢ VAN	385	38	16	13	10	2		1			9	2			1				1				2	2			1			
61	XÃ NGŨ CHỈ SƠN	174	29	10	8	3	2	1	1		1	11	3	1		1		1	1	1		1		1	1						
62	XÃ CỐC LẦU	199	5	3	0							2					1							1							
63	XÃ PHA LONG	378	7		3		2				1	4	1					1						2							
64	XÃ LỪNG PHÌNH	311	3	2	0							1												1							
65	XÃ CAO SƠN	347	16	3	9	4	4	1				4		1				2							1						

STT	Đơn vị	Số biên chế được giao	Số lượng tuyển dụng	Vị trí việc làm tuyển dụng																								Ghi chú			
				Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học						Giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông																				
					Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó																			
						GV dạy TH các môn	Tiếng Anh	Tin học	Giáo dục thể chất	Âm nhạc		Mỹ thuật	Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Thể dục	KTCN	KTNN	Tiếng Anh	Tin học	GDQP-AN	Âm nhạc		Mỹ thuật	Lịch sử và Địa lý	Khoa học tự nhiên
66	XÃ SƠN LƯƠNG	231	8	3	3	0	2	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	
67	XÃ CÁT THỊNH	161	12	4	4	3	1	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	
68	XÃ TRẠM TÁU	267	23	4	6	2	2	2	0	0	0	13	1	1	0	0	1	0	0	0	1	0	1	1	2	0	2	2	0	1	
69	XÃ BÌNH HỒ	256	47	16	8	3	3	0	0	1	1	23	4	0	1	0	3	1	0	3	1	0	2	3	2	0	1	2	0	0	
70	XÃ TÀ XI LÁNG	53	8	1	3	2	1	0	0	0	0	4	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	
71	XÃ KHAO MANG	191	18	2	6	2	2	0	2	0	0	10	2	2	0	1	1	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	1	0	0	
72	XÃ MÙ CANG CHÀI	306	28	6	12	5	3	2	1	0	1	10	0	1	0	0	1	1	0	2	0	0	1	2	0	0	1	1	0	0	
73	XÃ PÚNG LUÔNG	346	63	21	19	10	5	2	0	1	1	23	2	1	0	0	7	3	1	1	0	0	1	4	0	0	2	1	0	0	
74	XÃ CHẾ TẠO	56	17	3	4	3	1	0	0	0	0	10	2	1	0	1	1	0	0	1	0	0	1	1	1	0	1	0	0	0	
75	XÃ NẬM CỎ	183	39	18	6	0	3	1	0	0	2	15	4	0	0	0	3	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	1	1	3	
76	XÃ LAO CHÀI	184	20	0	12	3	2	2	2	2	1	8	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	1	
77	XÃ TÀ CÙ TỶ	159	0									0																			
78	XÃ TẮNG LOÔNG	354	0									0																			
79	XÃ XUÂN HÒA	232	0									0																			
80	XÃ BẢN LIÊN	99	0									0																			
*	Các vị trí việc làm được đăng ký 02 nguyện vọng (Vị trí việc làm giống từ trên xuống)			2NV		2NV	2NV	2NV	2NV	2NV	2NV		2NV	2N V	2N V	2N V	2NV	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	2N V	